

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 23/2021/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 29 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 05/2016/QĐ-UBND
ngày 22/02/2016 của UBND tỉnh về Quy chế phối hợp quản lý
Hợp tác xã, Tổ hợp tác trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019 của Quốc Hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012;

Căn cứ Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

Căn cứ Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019 của Chính phủ quy định về Tổ hợp tác;

Căn cứ Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 hướng dẫn về đăng ký Hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của Hợp tác xã; Thông tư số 01/2020/TT-BKHĐT ngày 19/2/2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn phân loại và đánh giá Hợp tác xã;

Căn cứ Thông tư số 06/2019/TT-BNNPTNT ngày 19/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định hoạt động đặc thù, chế độ báo cáo của Hợp tác xã nông nghiệp và trách nhiệm quản lý nhà nước các cấp đối với Hợp tác xã nông nghiệp; Thông tư số 09/2017/TT-BNNPTNT ngày 17/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn phân loại và đánh giá Hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 220/TTr-SKHĐT ngày 14/5/2021; Báo cáo số 1828/BC-SKHĐT ngày 13/7/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số Điều tại Quy chế phối hợp ban hành kèm theo Quyết định số 05/2016/QĐ-UBND ngày 22/02/2016 của UBND tỉnh về phối hợp quản lý Hợp tác xã, Tổ hợp tác trên địa bàn tỉnh.

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau:

“ Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nguyên tắc, nội dung, hình thức và trách nhiệm phối hợp giữa các sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trong công tác quản lý đối với Hợp tác xã, liên hiệp Hợp tác xã và Tổ hợp tác trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, bao gồm việc thanh tra, kiểm tra Hợp tác xã, liên hiệp Hợp tác xã, Tổ hợp tác sau đăng ký thành lập và hoạt động; nội dung và trách nhiệm giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin về Hợp tác xã, liên hiệp Hợp tác xã, Tổ hợp tác; báo cáo tình hình thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với Hợp tác xã, liên hiệp Hợp tác xã, Tổ hợp tác sau khi thành lập và tổ chức hoạt động; xử lý các Hợp tác xã, liên hiệp Hợp tác xã yếu kém, tồn tại hình thức, bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, liên hiệp Hợp tác xã do vi phạm pháp luật.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2 như sau:

“1. Các Hợp tác xã, liên hiệp Hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân (sau đây gọi chung là Hợp tác xã) thành lập và tổ chức hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã trên địa bàn tỉnh; các Tổ hợp tác được thành lập và tổ chức hoạt động theo quy định tại Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019 của Chính phủ quy định về Tổ hợp tác và quy định của Bộ Luật Dân sự.”

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

“Điều 5. Tổ chức đánh giá phân loại Hợp tác xã, liên hiệp Hợp tác xã

1. Hàng năm, hội đồng quản trị Hợp tác xã, liên hiệp Hợp tác xã (sau đây gọi tắt là Hợp tác xã) tổ chức tự đánh giá và cho điểm Hợp tác xã mình theo các tiêu chí quy định tại Thông tư số 01/2020/TT-BKHĐT ngày 19/2/2020 của Bộ Trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn phân loại và đánh giá Hợp tác xã. Hợp tác xã được xếp loại như sau: (i) Tốt: Tổng điểm đánh giá đạt từ 80 điểm đến 100 điểm; (ii) Khá: Tổng điểm đánh giá đạt từ 65 điểm đến dưới 80 điểm; (iii) Trung bình: Tổng điểm đánh giá đạt từ 50 điểm đến dưới 65 điểm; (iv) Yếu: Tổng điểm đánh giá đạt dưới 50 điểm. Trường hợp Hợp tác xã mới thành lập và hoạt động chưa đủ 12 tháng hoặc Hợp

tác xã ngừng hoạt động từ trên 03 tháng trong năm thì không tiến hành đánh giá và xếp loại.

2. Việc đánh giá phân loại Quỹ tín dụng nhân dân thực hiện theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

3. Chậm nhất vào ngày 15/12 hàng năm, Hợp tác xã nộp bảng tự chấm điểm, mẫu theo Phụ lục số 2 ban hành tại Thông tư số 01/2020/TT-BKHĐT đến cơ quan đăng ký Hợp tác xã kèm theo Báo cáo tình hình hoạt động của Hợp tác xã theo quy định tại Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 hướng dẫn về đăng ký Hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của Hợp tác xã.

4. Chậm nhất vào ngày 18/12 hàng năm, cơ quan đăng ký Hợp tác xã cấp huyện tổng hợp, báo cáo kết quả phân loại, đánh giá Hợp tác xã của năm trên địa bàn huyện gửi cơ quan đăng ký Hợp tác xã cấp tỉnh (Sở Kế hoạch và Đầu tư) và cơ quan quản lý ngành cấp tỉnh (các sở, ngành liên quan).”

4. Sửa đổi khoản 2, khoản 7 Điều 10 như sau:

“2. Hướng dẫn và thực hiện các nội dung quản lý nhà nước chuyên ngành đối với Hợp tác xã, Tổ hợp tác theo quy định Luật Hợp tác xã và Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019 của Chính phủ quy định về Tổ hợp tác và các quy định của pháp luật hiện hành.

7. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được phân công, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các phòng ban chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp với cơ quan đăng ký Hợp tác xã cấp tỉnh, cơ quan đăng ký Hợp tác xã cấp huyện trong giải quyết và cấp giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, liên hiệp Hợp tác xã theo quy định. Nghiêm cấm hành vi cản trở, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của các cá nhân, tổ chức trong việc thực hiện quyền thành lập Hợp tác xã, liên hiệp Hợp tác xã, Tổ hợp tác”.

5. Sửa đổi điểm đ, g, h khoản 1 Điều 12 như sau:

“đ. Tổ chức hướng dẫn hình thức đăng ký thành lập Hợp tác xã qua mạng điện tử; hướng dẫn chuyển đổi dữ liệu Hợp tác xã tại cơ quan đăng ký Hợp tác xã cấp huyện, cấp tỉnh sang Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký Hợp tác xã; hướng dẫn khai thác thông tin đăng ký Hợp tác xã trên Hệ thống thông tin quốc gia.

g. Hằng năm tổng hợp báo cáo quý/năm về kết quả đăng ký và tình hình hoạt động của Hợp tác xã (bao gồm tình hình Hợp tác xã ngừng hoạt động, tồn tại hình thức) báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ, ngành khác liên quan theo quy định tại Thông tư số 01/2020/TT-BKHĐT.

h. Tổng hợp, báo cáo tình hình hoạt động của Tổ hợp tác trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Nghị định số 77/2019/NĐ-CP (thực hiện báo cáo lồng ghép trong báo cáo quý/năm về kết quả đăng ký và tình hình hoạt động của Hợp tác xã trên địa bàn tỉnh)".

6. Sửa đổi khoản 3 Điều 12 như sau:

“3. Cục Thuế tỉnh:

a) Tra cứu, khai thác thông tin trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký Hợp tác xã để triển khai thực hiện các biện pháp quản lý thuế đối với Hợp tác xã theo đúng quy định

b) Xử lý hoặc chuyển các cấp, cơ quan có thẩm quyền để xử lý đối với hành vi vi phạm pháp luật thuế của Hợp tác xã theo đúng quy định.

c) Thực hiện công khai thông tin người nộp thuế là các Hợp tác xã theo quy định tại Điều 100 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 trên trang thông tin điện tử Cục Thuế tỉnh Đắk Lắk (<http://daklak.gdt.gov.vn>) để các cơ quan, đơn vị có liên quan khai thác phục vụ công tác quản lý nhà nước. Phối hợp cung cấp thông tin quản lý thuế đối với Hợp tác xã theo yêu cầu của các cơ quan, đơn vị theo quy định tại Luật Quản lý thuế và pháp luật có liên quan.

d) Tham gia với vai trò phối hợp, để thực hiện việc rà soát, đối chiếu số lượng và tình hình hoạt động thực tế của Hợp tác xã trên địa bàn theo yêu cầu, đề nghị cơ quan đăng ký Hợp tác xã. Cung cấp các thông tin về tình trạng hoạt động của Hợp tác xã do cơ quan thuế phát hiện trong quá trình quản lý thuế cho các cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định.

đ) Chỉ đạo các phòng, Chi cục Thuế các huyện, khu vực, thành phố thuộc tỉnh thực hiện những nhiệm vụ liên quan đến công tác quản lý thuế đối với Hợp tác xã như sau:

- Căn cứ danh sách Hợp tác xã được cấp mã số thuế trên ứng dụng ngành thuế và thông tin khai thác trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký Hợp tác xã để thực hiện quản lý thuế, đôn đốc kê khai, nộp thuế theo đúng quy định. Xử lý hoặc chuyển các cấp, ngành xử lý hành vi vi phạm pháp luật thuế đối với Hợp tác xã theo đúng thẩm quyền.

- Cung cấp thông tin, báo cáo kết quả quản lý thuế đối với Hợp tác xã trên địa bàn theo yêu cầu của Cục Thuế tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Thực hiện một số nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của cơ quan cấp trên, Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc theo đề nghị phối hợp của các cơ quan, đơn vị cùng cấp để thực hiện quản lý nhà nước đối với Hợp tác xã”.

7. Sửa đổi điểm g khoản 9 Điều 12 như sau:

“g) Xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ Hợp tác xã, liên hiệp Hợp tác xã, Tổ hợp tác theo quy định tại Luật Hợp tác xã; Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 và các chính sách hỗ trợ Hợp tác xã, liên hiệp Hợp tác xã, Tổ hợp tác đặc thù, nếu có”.

8. Sửa đổi điểm e, h, i, m, o, p và bổ sung điểm q khoản 11 Điều 12 như sau:

“e) Hướng dẫn UBND cấp xã trên địa bàn thực hiện việc quản lý Tổ hợp tác theo quy định tại Nghị định số 77/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

h) Xây dựng hệ thống thông tin Hợp tác xã, Tổ hợp tác trên địa bàn, tổ chức hướng dẫn hình thức đăng ký thành lập Hợp tác xã qua mạng điện tử; tổ chức chuyển đổi dữ liệu Hợp tác xã tại cơ quan đăng ký Hợp tác xã cấp huyện sang cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký Hợp tác xã; hướng dẫn khai thác thông tin đăng ký Hợp tác xã trên Hệ thống thông tin quốc gia theo quy định tại Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT.

i) Hàng năm tổng hợp, báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư (báo cáo định kỳ quý/năm) về tình hình phát triển và hoạt động của Hợp tác xã, Tổ hợp tác trên địa bàn quản lý theo các mẫu biểu quy định tại Thông tư số 01/2020/TT-BKHĐT và Nghị định số 77/2019/NĐ-CP.

m) Chủ trì, phối hợp các cơ quan chuyên ngành tiến hành kiểm tra Hợp tác xã, liên hiệp Hợp tác xã trên địa bàn về việc chấp hành các nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã và các hoạt động theo giấy phép chuyên ngành, thông báo bằng văn bản kết quả kiểm tra, xử lý vi phạm (nếu có) cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

o) Chỉ đạo Phòng Tài chính – Kế hoạch tổng hợp, hàng tháng báo cáo tình hình hoạt động Hợp tác xã trên địa bàn quản lý, báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư, đồng thời, gửi các cơ quan có liên quan cùng cấp để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định. Phối hợp cùng cơ quan Thuế địa phương thực hiện thu hồi giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã theo quy định pháp luật; trường hợp, không đủ điều kiện thu hồi giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã phải có văn bản phản hồi về cơ quan Thuế để tiếp tục quản lý thuế đối với Hợp tác xã; gửi thông tin những Hợp tác xã đăng ký giải thể cho cơ quan Thuế và tiếp nhận, xử lý ý kiến của cơ quan Thuế về việc giải thể Hợp tác xã trước khi ban hành thông báo giải thể và quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã theo quy định.

p) Chỉ đạo Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hàng năm báo cáo hoạt động đặc thù của Hợp tác xã nông nghiệp theo quy định tại Thông tư số 06/2019/TT-BNNPTNT ngày 19/7/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Báo cáo phân loại Hợp tác xã theo Thông tư số 09/2017/TT-BNNPTNT ngày 17/4/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có); đối với Tổ hợp tác báo cáo tình hình hoạt động theo Nghị định số 77/2019/NĐ-CP, gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

q) Bố trí nguồn ngân sách địa phương hoặc lồng ghép từ các chương trình khác có liên quan để thực hiện chương trình hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước đối với kinh tế tập thể, Hợp tác xã. Phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan tập trung triển khai các chính sách hỗ trợ Hợp tác xã như: Chính sách đất đai, tín dụng; chính sách về xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường; kết nối cung cầu sản xuất, tiêu thụ giữa Hợp tác xã, nông dân với doanh nghiệp; chính sách về ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới; hỗ trợ các Hợp tác xã nông nghiệp xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa, xây dựng mã vùng trồng, chứng nhận chất lượng... đối với các sản phẩm chủ lực của huyện, sản phẩm đặc trưng của Hợp tác xã; hỗ trợ Hợp tác xã liên kết, hợp tác sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị... Gắn phát triển Hợp tác xã nông nghiệp với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP).”

9. Sửa đổi điểm a, g khoản 12 Điều 12 như sau:

“a) Thực hiện việc theo dõi, quản lý Tổ hợp tác theo quy định tại Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019 của Chính phủ, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thành lập và hoạt động của Tổ hợp tác, nhằm khuyến khích nhiều Tổ hợp tác ra đời, góp phần xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm, cải thiện và nâng cao đời sống của các tổ viên Tổ hợp tác.

g) Lập sổ theo dõi về việc thành lập và hoạt động của Tổ hợp tác trên địa bàn quản lý (Mẫu II.01), cập nhật các thay đổi và biến động của Tổ hợp tác theo quy định (Mẫu II.02) theo Nghị định số 77/2019/NĐ-CP, tổng hợp, báo cáo định kỳ tình hình hoạt động Tổ hợp tác gửi về Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định”.

10. Bổ sung khoản 13 vào Điều 12 như sau:

“13. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Thực hiện công tác tham mưu quản lý Nhà nước chuyên ngành về lĩnh vực kinh tế tập thể trong nông nghiệp trên địa bàn tỉnh. Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến pháp luật về Luật Hợp tác xã và các văn bản, chính sách của Trung ương, địa phương có liên quan đến lĩnh vực Hợp tác xã, Tổ hợp tác trong nông nghiệp.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các Đề án, Chương trình, Kế hoạch nhằm củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động các Hợp tác xã, Tổ hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp gắn phát triển Hợp tác xã nông nghiệp, tái cơ cấu ngành nông nghiệp với Chương trình xây dựng nông thôn mới, Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) để các Hợp tác xã nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh, mở rộng thị trường.

c) Triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ Hợp tác xã trong lĩnh vực nông

ngiệp: Tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, tham quan học tập kinh nghiệm cho cán bộ quản lý Hợp tác xã, thành viên Hợp tác xã, Tổ hợp tác trong nông nghiệp và cán bộ công chức tham mưu quản lý Nhà nước các cấp về kinh tế tập thể; chính sách xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường, kết nối cung cầu sản xuất, tiêu thụ giữa Hợp tác xã nông dân với doanh nghiệp; chính sách về ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới; hỗ trợ các Hợp tác xã nông nghiệp xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa, xây dựng mã vùng trồng, chứng nhận chất lượng... đối với các sản phẩm chủ lực của tỉnh, sản phẩm đặc trưng của Hợp tác xã; hỗ trợ Hợp tác xã liên kết, hợp tác sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị; hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng và các trang thiết bị, máy móc phục vụ sản xuất theo các dự án của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các chính sách khác theo quy định.

d) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan xây dựng, tổng kết và nhân rộng mô hình Hợp tác xã nông nghiệp, Tổ hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp nhằm tăng cường liên kết với các doanh nghiệp, nhà máy chế biến, nông dân trong sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản.

e) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan đề xuất, xây dựng chính sách hỗ trợ Hợp tác xã nông nghiệp theo quy định của Luật Hợp tác xã và các văn bản hướng dẫn thi hành.

f) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Liên minh Hợp tác xã tỉnh và các ngành liên quan tư vấn, hướng dẫn các Hợp tác xã, Tổ hợp tác tiếp cận các chính sách ưu đãi của Trung ương và của tỉnh. Phối hợp các sở, ngành, địa phương giải quyết theo thẩm quyền hoặc đề xuất giải quyết khó khăn vướng mắc của Hợp tác xã, Tổ hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp.

g) Phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh xem xét, phân bổ nguồn vốn đầu tư của Trung ương hỗ trợ cho Hợp tác xã nông nghiệp theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển Kinh tế tập thể, Hợp tác xã giai đoạn 2021-2025.

h) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố báo cáo hoạt động đặc thù của Hợp tác xã nông nghiệp và phân loại Hợp tác xã nông nghiệp theo quy định tại Thông tư số 06/2019/TT-BNNPTNT, Thông tư 09/2017/TT-BNNPTNT và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn”.

11. Bổ sung khoản 14 vào Điều 12 như sau:

“14. Sở Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, đề án, cơ chế, chính sách, kế hoạch phát triển các Hợp tác xã, Tổ hợp tác

thuộc lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ.

b) Xây dựng và triển khai có hiệu quả công tác xúc tiến thương mại, hỗ trợ Hợp tác xã, Tổ hợp tác xây dựng thương hiệu, kết nối tiêu thụ sản phẩm trên thị trường trong nước và quốc tế.

c) Tạo điều kiện thúc đẩy, gắn kết sản phẩm của Hợp tác xã, Tổ hợp tác phục vụ phát triển công nghiệp hỗ trợ. Phối hợp với các sở, ngành liên quan tạo điều kiện và hướng dẫn Hợp tác xã, Tổ hợp tác trong việc sản xuất và kiểm soát các sản phẩm theo tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm.

d) Phối hợp với các sở, ngành, địa phương giải quyết theo thẩm quyền hoặc đề xuất giải quyết khó khăn vướng mắc của Hợp tác xã, Tổ hợp tác trong lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại.

e) Hỗ trợ phát triển mô hình Hợp tác xã gắn với chương trình khuyến công, chương trình phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, phát triển ngành nghề của tỉnh”.

Điều 2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện, thường xuyên theo dõi, đánh giá việc thực hiện Quyết định này và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 12/8/2021.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Công Thương; Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Y Giang Gry Niê Knơng